TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày 20 - 11 - 2025
"V/v yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Mạnh Cường và bà Hà Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Vũ Đức Hạnh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2025 về "yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Phan Khánh T, sinh năm 1980; số CCCD: 042080000143; nơi cư trú: thôn Đ, đặc khu V, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số nhà C phố N, phường G, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn:* ông Đỗ Tiến T1, sinh năm 1957; số CCCD: 022057002203; nơi cư trú: Phố L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* chị Hoàng Thị T2, sinh năm 1988; số CCCD: 022188002961; nơi cư trú: Phố L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đỗ Tiến T1, sinh năm 1957; số CCCD: 022057002203; nơi cư trú: Phố L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (là đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 14/10/2025). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2025, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: anh là người đứng tên chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số: 152, tờ bản đồ số: 9 có diện tích: 142,2m^2, tại địa chỉ: Phố L, xã

Đ, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 218518 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 15/08/2019 mang tên ông Vũ Văn Đ và bà Vũ Thị H đã chuyển nhượng cho anh Phan Khánh T ngày 16/4/2021. Anh và anh Đỗ Việt T3 (con trai đẻ của ông Đỗ Tiến T1) có mối quan hệ làm ăn với nhau vào khoảng năm 2020, do điều kiện đặc thù kinh doanh bất động sản nên anh cần giải ngân vốn nhanh để chốt giá những thửa đất mà mình có nhu cầu. Anh Đỗ Việt T3 làm nghề cho vay cầm đồ, nên anh thường xuyên vay tiền của anh T3, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ thì anh và anh T3 phải làm các hợp đồng thế chấp tài sản tại Phòng công chứng, thủ tục công chứng mất nhiều thời gian, trong khi anh lại cần giải ngân nhanh. Để thuận tiện cho việc làm ăn, ngày 02/3/2023 anh có ủy quyền cho anh T3 toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất tại thửa đất có diện tích 142,2m^2, có địa chỉ tại: Phố L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 218518 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 15/8/2019 mục đích là để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Ngày 21/06/2023 anh Đỗ Việt T3 đã chết theo Giấy trích lục khai tử số: 18/2023/TLKT do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh ký ngày 22/6/2023. Anh đã nhiều lần đến gia đình anh T3 để làm việc với gia đình và xin lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình anh T3 đang quản lý, ban đầu ông T1 và chị T2 nói không trả, thời gian sau thì nói là không biết và không nắm giữ. Ngày 02/7/2025, anh có đến chi nhánh Văn phòng đăng ký đất số 10 - Quảng Ninh để nộp đơn xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất nêu trên và được trả về với lý do là ông Đỗ Tiến T1 đã có đơn đề nghị ngày 15/12/2023 về việc ngăn chặn việc cấp lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho anh theo Thông báo số: 652/TB-CNVPDK ngày 07/7/2025 của Văn phòng Đ2 - Quảng Ninh. Ngày 15/7/2025 anh có gửi đơn khiếu nại Thông báo số: 652/TB-CNVPDK ngày 07/7/2025 của Văn phòng Đ2 - Quảng Ninh, sau đó anh được Văn phòng đăng ký đất đai số 10 - Quảng Ninh mời ra làm việc, anh đã yêu cầu Văn phòng Đ2 - Quảng Ninh cung cấp cho anh biên bản đã làm việc với ông Đỗ Tiến T1 và bà Hoàng Thị Tất . Sau khi được tiếp cận biên bản làm việc, anh được biết ông T1 không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh là vì anh liên quan đến khoản nợ của một người tên L và cho rằng anh nợ anh T3 số tiền 1.492.000.000 đồng. Đến thời điểm anh T3 chết, anh không nợ anh T3 khoản tiền nào. Anh đã liên lạc với bà Bùi Thị L, địa chỉ: thôn Đ, đặc khu V, tỉnh Quảng Ninh (số điện thoại liên hệ: 0986728257) và bà L cũng xác nhận là có vay của anh T3 số tiền 1.492.000.000 đồng (anh T3 cho vay cầm đồ, bà L do anh giới thiệu đến vay chỗ anh T3). Tuy nhiên, đây là vấn đề giao dịch dân sự riêng biệt, không liên quan đến yêu cầu trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh.

Đến nay, ông Đỗ Tiến T1 không cung cấp căn cứ pháp lý nào về việc được quyền chiếm giữ hoặc định đoạt Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh. Do vậy, đề nghị Tòa án buộc ông Đỗ Tiến T1 phải trả lại cho anh bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 218518 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 15/8/2019 mang tên ông Vũ Văn Đ và Vũ Thị H đã chuyển nhượng cho anh Phan Khánh T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/10/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và

tại phiên tòa, bị đơn ông Đỗ Tiến T1 đồng thời là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị T2 trình bày: năm 2023 con trai ông Đỗ Việt T3 và anh Phan Khánh T có quan hệ làm ăn với nhau, nội dung làm ăn như nào ông không rõ cụ thể. Tuy nhiên, tháng 6/2023 do gặp rủi ro, con trai ông chết. Sau khi anh T3 chết, anh Phan Khánh T có đến gia đình ông trao đổi, muốn lấy lại giấy chứng nhận quyền sử đất mang tên anh ấy, do con trai ông được anh T ủy quyền đang quản lý nắm giữ. Gia đình ông có kiểm tra lại các giấy tờ do anh T3 để lại, thì phát hiện có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 218518 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 15/8/2019 cho ông Vũ Văn Đ và Vũ Thị H sang tên ông Phan Khánh T cùng các loại giấy tờ khác, trong đó có giấy kê khoản nợ đề anh Trung Vân Đ1 nợ 1.492.000.000 đồng cùng các giấy tờ khác căn cước công dân và hộ khẩu của anh T. Sau đó, ông cho rằng anh T còn nợ tiền con ông nên đã thực hiện việc sao kê chi tiết giao dịch tại Ngân hàng TMCP C thể hiện ngày 28/02/2023 có việc chuyển khoản số tiền 1.492.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của anh T3 sang tài khoản ngân hàng của bà Bùi Thị L (có ghi là chuyển tiền chị L, anh Trung Vân Đ1 phù hợp với số tiền ghi trong bản viết tay của anh T3 để lại). Lần đầu tiên anh T gặp con dâu ông Hoàng Thị T2 có trình bày là đang gửi sổ đỏ tại gia đình ông và có lấy số tiền 50.000.000 đồng của con trai ông. Sau đó, đến gặp gia đình ông và anh T bác bỏ các nội dung liên quan đến nợ tiền con trai ông. Căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ anh T3 để lại, ông khẳng định anh T có vay nợ con trai tôi số tiền 1.492.000.000 đồng, nên ông không trả cho anh T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Ông yêu cầu anh T phải trả gia đình ông số tiền 1.492.000.000 đồng thì ông mới trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T.

* Các sự kiện không phải chứng minh:

- Bị đơn ông Đỗ Tiến T1 đang chiếm giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 218518; số vào sổ cấp giấy: 002086 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 15/08/2019 mang tên ông Vũ Văn Đ và bà Vũ Thị H chuyển nhượng cho anh Phan Khánh T ngày 16/4/2021.

* Các tình tiết các đương sự không thống nhất:

- Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Tiến T1 phải trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 218518 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 15/8/2019 cho nguyên đơn.

- Bị đơn: yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 1.492.000.000 đồng thì mới trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật; HĐXX sơ thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Quan điểm về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa: Áp dụng Điều 105, 115, 166, 422 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc ông Đỗ Tiến T1 trả lại cho anh Phan Khánh T một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 218518; số vào sổ cấp giấy: 002086 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 15/8/2019 mang tên ông Vũ Văn Đ và bà Vũ Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: tại khoản 21 Điều 3 của Luật Đất đai 2024 quy định: "*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất"*. Tại khoản 1 Điều 105 và Điều 115 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về tài sản và quyền tài sản như sau: *"Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản", "Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác"*. Theo các quy định trên thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được coi là tài sản, chưa có quy định của pháp luật dân sự áp dụng đối với yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì *"Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật áp dụng"*, Tòa án phải thụ lý giải quyết, đồng thời dựa trên nguyên tắc áp dụng tương tự pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 45 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Phan Khánh T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đỗ Tiến T1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đỗ Tiến T1 cư trú tại Phố L, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh nên căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự về sửa đổi, bổ sung Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy đinh phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

[2] Về tố tụng: tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị T2 vắng mặt, nhưng có người đại diện là ông Đỗ Tiến T1 tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Tất .

[3] Về nội dung vụ án: xét yêu cầu khởi kiện của anh Phan Khánh T yêu cầu ông Đỗ Tiến T1 trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất số: CM 218518; số vào sổ cấp giấy: 002086 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 15/08/2019. Hội đồng xét xử thấy: ngày 02/3/2023 anh Phan Khánh T và anh Đỗ Việt T3 ký hợp đồng ủy quyền với nội dung: anh T ủy quyền cho anh Đỗ Việt T3 toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với quyền sử dụng thửa đất số 152, giao anh T3 bảo quản bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM218518. Hợp đồng không có thù lao, thời gian ủy quyền là 10 năm kể từ ngày được công chứng. Ngày 21/6/2023, anh T3 chết, theo quy định tại khoản 3 Điều 422 của Bộ luật Dân sự thì Hợp đồng ủy quyền giữa anh T và anh T3 chấm dứt. Sau khi biết anh T3 chết, nguyên đơn anh Phanh Khánh T4 đã nhiều lần đến gặp chị Hoàng Thị T2 (là vợ anh T3) đề nghị trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên chị T2 và ông Đỗ Tiến T1 (bố đẻ của anh T3) đều trả lời không biết, không nắm giữ. Vì vậy, ngày 02/7/2025, anh có đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất số 10 - Quảng Ninh để nộp đơn xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất nêu trên và được trả về với lý do là ông Đỗ Tiến T1 đã có đơn đề nghị ngày 15/12/2023 về việc ngăn chặn việc cấp lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho anh theo Thông báo số: 652/TB-CNVPDK ngày 07/7/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất số 10 - Quảng Ninh. Tại biên bản làm việc ngày 17/7/2025 giữa Chi nhánh Văn phòng Đ2 - Quảng Ninh với ông Đỗ Tiến T1 và bà Hoàng Thị T2, anh T4 được biết ông T1 không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh là vì anh liên quan đến khoản nợ của một người tên L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn xác nhận đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên và nhận thức rõ không có quyền giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T4. Ông T1 không trả, vì cho rằng anh T4 và người phụ nữ tên L có liên quan đến khoản nợ của con trai ông, yêu cầu nguyên đơn phải trả số tiền 1.492.000.000 đồng thì mới trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa, anh Phan Khánh T xác nhận bà Bùi Thị L, địa chỉ: thôn Đ, đặc khu V, tỉnh Quảng Ninh là chỗ quen biết, do anh giới thiệu cho anh Đỗ Việt T3, sau khi xảy ra sự việc tranh chấp với ông T1, anh có điện cho bà L, bà L thừa nhận là có vay của anh T3 số tiền 1.492.000.000 đồng, anh T cam đoan lời trình bày là đúng sự thật và nếu cần anh sẽ đứng ra làm chứng. Hội đồng xét xử xác định, việc vay nợ là quan hệ pháp luật dân sự không liên quan đến yêu cầu khởi kiện, nếu phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Khoản 2 Điều 164 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại*".

Vì vậy, việc chiếm giữ trái phép giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1 là hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đỗ Tiến T1 phải có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 218518; số vào sổ cấp giấy: 002086 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 15/08/2019 mang tên ông Vũ Văn Đ và bà Vũ Thị H đã chuyển nhượng cho anh

Phan Khánh T ngày 16/4/2021.

[4] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là đối tượng người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự về sửa đổi, bổ sung Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy đinh phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 45, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 105, 115, 164 và Điều 422 của Bộ luật Dân sự; khoản 21 Điều 3 của Luật Đất đai 2024;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Khánh T, buộc bị đơn ông Đỗ Tiến T1 phải trả cho anh Phan Khánh T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CM 218518; số vào sổ cấp giấy: 002086 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 15/08/2019 mang tên ông Vũ Văn Đ và bà Vũ Thị H chuyển nhượng cho anh Phan Khánh T ngày 16/4/2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn anh Phan Khánh T số tiền 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000943 ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này, được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát KV4 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADSKV4 - Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đình Khoa